

Mời các em học sinh cùng quý phụ huynh tham khảo ngay hướng dẫn giải các bài tập 1, 2, 3 trang 149: Luyện tập chung sách giáo khoa Toán 4 gồm phương pháp giải và đáp án chính xác, chi tiết nhất được trình bày dễ hiểu dưới đây:

**Toán lớp 4 trang 149 SGK luyện tập chung câu 1**

Viết tỉ số của a và b, biết:

a)  $a = 3$

$b = 4$

b)  $a = 5m$

$b = 7m$

c)  $a = 12\text{kg}$

$b = 3\text{ kg}$

d)  $a = 6\text{l}$

$b = 8\text{l}$

**Phương pháp giải:**

Tỉ số của a và b là:  $a : b$  hay  $\frac{a}{b}$  (b khác 0).

**Đáp án:**

a) Tỉ số của a và b là  $3 : 4$ :  $\frac{3}{4}$

b) Tỉ số của a và b là  $5 : 7$ :  $\frac{5}{7}$

c) Tỉ số của a và b là  $12 : 3$ :  $\frac{12}{3}$

d) Tỉ số của a và b là  $6 : 8$ :  $\frac{6}{8}$

**Toán lớp 4 trang 149 câu 2 SGK luyện tập chung**

Viết số thích hợp vào ô trống:

Tổng hai số	72	120	45
Tỉ của hai số	1/5	1/7	2/3
Số bé			
Số lớn			

**Phương pháp giải:**

1. Biểu diễn số bé và số lớn bởi một số phần bằng nhau dựa vào tỉ số của hai số.
2. Tìm tổng số phần bằng nhau.
3. Tìm giá trị của 1 phần bằng cách lấy tổng hai số chia cho tổng số phần bằng nhau.
4. Tìm số bé (lấy giá trị một phần nhân với số phần của số bé).
5. Tìm số lớn (lấy tổng hai số trừ đi số bé, ...).

Chú ý: Bước 3 và bước 4 có thể gộp lại thành một bước; có thể tìm số lớn trước rồi tìm số bé sau.

**Đáp án:**

Tổng hai số	72	120	45
Tỉ của hai số	1/5	1/7	2/3
Số bé	12	15	18
Số lớn	60	105	27

**Toán lớp 4 câu 3 trang 149 luyện tập chung**

Hai số có tổng bằng 1080. Tìm hai số đó biết rằng gấp 7 lần số thứ nhất thì được số thứ hai.

**Phương pháp giải:**

1. Vẽ sơ đồ: coi số thứ nhất (vai trò là số bé) gồm 1 phần thì số thứ hai (vai trò là số lớn) gồm 7 phần như thế.
2. Tìm tổng số phần bằng nhau.
3. Tìm giá trị của 1 phần bằng cách lấy tổng hai số chia cho tổng số phần bằng nhau.

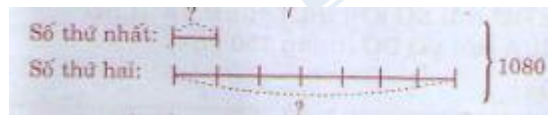
4. Tìm số bé (lấy giá trị một phần nhân với số phần của số bé).

5. Tìm số lớn (lấy tổng hai số trừ đi số bé, ...).

Chú ý: Bước 3 và bước 4 có thể gộp lại thành một bước; có thể tìm số lớn trước rồi tìm số bé sau.

**Đáp án:**

Ta có số thứ nhất bằng  $\frac{1}{7}$  số thứ hai



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$1 + 7 = 8 \text{ (phần)}$$

$$\text{Số thứ nhất là: } 1080 : 8 = 135$$

$$\text{Số thứ hai là: } 135 \times 7 = 945$$

Đáp số: Số thứ nhất: 135

Số thứ hai: 945

**Giải toán lớp 4 câu 4 trang 149 luyện tập chung**

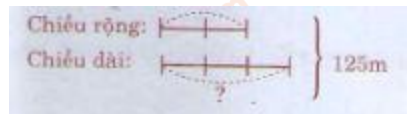
Một hình chữ nhật có nửa chu vi là 125m, chiều rộng bằng  $\frac{2}{3}$  chiều dài. Tìm chiều dài, chiều rộng của hình đó.

**Phương pháp giải:**

1. Vẽ sơ đồ: coi chiều rộng (đóng vai trò số bé) gồm 2 phần bằng nhau thì chiều dài (đóng vai trò số lớn) gồm 3 phần như thế.
2. Tìm tổng số phần bằng nhau.
3. Tìm giá trị của 1 phần bằng cách lấy tổng hai số chia cho tổng số phần bằng nhau.
4. Tìm số bé (lấy giá trị một phần nhân với số phần của số bé).
5. Tìm số lớn (lấy tổng hai số trừ đi số bé, ...).

Chú ý: Bước 3 và bước 4 có thể gộp lại thành một bước; có thể tìm số lớn trước rồi tìm số bé sau.

**Đáp án:**



Theo sơ đồ, ta có tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 3 = 5 \text{ (phần)}$$

Chiều rộng hình chữ nhật là:

$$125 : 5 \times 2 = 50 \text{ (m)}$$

Chiều dài hình chữ nhật là:

$$125 - 50 = 75 \text{ (m)}$$

Đáp số: Chiều dài: 75 m; chiều rộng: 50m.

#### Toán lớp 4 trang 149 luyện tập chung câu 1 SGK

Một hình chữ nhật có chu vi là 64m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 8m. Tìm chiều dài, chiều rộng của hình đó.

Phương pháp giải:

- Tìm nửa chu vi = chu vi : 2
- Tìm chiều dài, chiều rộng theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó:

$$\text{Số lớn} = (\text{Tổng} + \text{Hiệu}) : 2; \text{Số bé} = (\text{Tổng} - \text{Hiệu}) : 2$$

Đáp án:

Nửa chu vi hình chữ nhật:

$$64 : 2 = 32 \text{ (m)}$$

Hai lần chiều dài hình chữ nhật:

$$32 + 8 = 40 \text{ (m)}$$

Chiều dài hình chữ nhật:

$$40 : 2 = 20 \text{ (m)}$$

Chiều rộng hình chữ nhật:

$$20 - 8 = 12 \text{ (m)}$$

Đáp số: Chiều dài 20m

Chiều rộng: 12m